



BẢNG TIN HẰNG THÁNG SỐ 25

HỘI ÁI HỮU BIÊN HOÀ

HỘI ĐOÀN BÁT VỤ LỢI VÀ TỪ THIỆN

GIẤY PHÉP SỐ: 800032127 ** SỐ MIỄN THUẾ VỤ: 20-0094475

TRỤ SỞ TẠM: 10731 TRIOLA LANE. HOUSTON, TEXAS 77072

DIỆN THOẠI: 713-922-5638 ** EMAIL: datlam1951@yahoo.com

Web Site: www.hoiaihueblo.org

PHÁT HÀNH NGÀY 01 THÁNG 8 NĂM 2005, TẠI HOUSTON, TEXAS

Thư Ngỏ

Trao Đổi

Đôi Điều Vững Tin và Hy Vọng

TG. Nguyễn trung Lynch

Kính thưa Quý Đồng Hương và Quý Thân Hữu,

Liên tiếp trên các bảng tin hằng tháng của Hội Ái Hữu Biên Hoà từ số 21 đến hôm nay là số 25, Ban Tổ Chức Bầu Cử Tân Ban Chấp Hành Nhiệm Kỳ 2005-2007 đã thông báo đến cùng Quý Vị về diễn tiến của lịch trình tổ chức bầu cử. Tính đến nay chỉ có một liên danh duy nhất nộp đơn ứng cử do Đồng Hương Lâm Sĩ Đắt thụ uỷ và các Đồng Hương Nguyễn Bửu Lân, Trần Văn Thanh, Bùi Văn Tuấn, và Đỗ Hà Trung Trang (có sự thay đổi được trình bày ở phần sau). Về số lượng ứng cử viên thì quá ít, thiếu sự tranh đua, nhưng về chất lượng thì có nhiều chuyển biến tích cực và tốt đẹp.

Trước hết là Đồng Hương Lâm Sĩ Đắt, Nguyễn Bửu Lân và Trần Văn Thanh. Đây là 3 vị đồng hương đã có mặt từ khi mới thành lập Hội, các anh đã cộng tác tích cực với Đồng Hương Lê Văn Trường (Cựu Hội Trưởng tiền nhiệm) để hoàn thành trách nhiệm khó khăn của buổi ban đầu. Giờ đây ba vị đồng hương “lão thành” này cùng nắm tay nhau tiếp tục dẫn thân làm “cột”, làm “kèo” cho ngôi nhà Hội Ái Hữu Biên Hoà được vững mạnh. Đây là những gương mặt thân thương dễ mến, vì trong cõi lòng của các anh có cùng một nhịp đập của con tim đồng cảm với quê hương, thiết tha với tình nghĩa đồng hương yêu thương gắn bó và một tinh thần phục vụ cao độ, không suy nghĩ đắn đo trước những khó khăn, cực nhọc.

Gương mặt trẻ sau đây có tên trong danh sách của liên danh, đó là Đồng Hương Bùi Văn Tuấn. Sự dẫn thân chen vai gánh vác trách nhiệm với các bậc Cha, Chú, Cô, Di, anh đã thể hiện tấm lòng tim về cội nguồn và rộ nở một tình yêu quê hương nồng cháy của người trai trẻ được sinh ra trên vùng đất Biên Hoà “Địa Linh Nhân Kiệt”. Tuấn còn rất trẻ, thuộc thế hệ thứ hai, luôn năng động trong mọi công tác được giao, hiền hoà trong lời nói, lễ phép trong phong cách đối với tất cả mọi người. Sự góp mặt của đồng hương trẻ này trong Ban Chấp Hành Nhiệm Kỳ 2005-2007 là một chuyển biến rất tích cực, nêu một tấm gương cho các con cháu lớp trẻ kế thừa mà chúng ta hằng quan tâm chăm sóc.

Như đã trình bày ở phần trên, về chức vụ Thư Ký trong Ban Chấp hành sắp được bầu cử, giờ chót có sự thay đổi đáng tiếc, vì cháu Đỗ Hà Trung Trang (cũng thuộc lớp trẻ của thế hệ thứ hai) phải tập trung tinh thần để chuẩn bị học thêm trong ngành chuyên nghiệp, thì giờ quý báu trong trường và tại sở rất cần cho cháu, vì thế cháu xin rút tên ứng cử. Đồng Hương Lâm Sĩ Đắt đành phải “bám bụng” OK. Đỗ Hà Trung Trang là một thành phần nhân lực đáng quý của Hội sau này. Xin chúc cháu Đỗ Hà Trung Trang luôn thăng tiến trong ngành chuyên môn và lúc nào cũng giữ thơm “HƯƠNG BƯỞI”.

Người “xung phong” làm ứng cử viên thay thế cháu Đỗ Hà Trung Trang là Đồng Hương Hồ Thị Hạnh. Đây là một đồng hương không xa lạ gì đối với chúng ta. Từ lâu Đồng Hương Hồ Thị Hạnh thường xuyên sáng tác đóng góp bài cho bảng tin hằng tháng của Hội, một cây viết còn trẻ trong văn nghệ nhưng rất năng động góp phần trong mọi hoạt động của Hội, với một tâm lòng: “Tất cả vì quê hương Biên Hoà yêu quý”.

Sinh ra và lớn lên tại xã An Bình, thuộc Quận Dĩ An, Biên Hoà, quê hương đã cho Cô một cuộc sống bình an với bao nhiêu kỷ niệm đáng nhớ, đáng yêu của thời thơ ấu. Thân gái đậm trường, hành trang khi phải tạm biệt quê hương tìm đời sống tự do, cô chỉ có nặng trĩu một tình yêu quê hương và thật nhiều kỷ niệm. Chúng tôi còn nhớ những giọt lệ đầy cảm xúc, chứa chan tình nghĩa đồng hương của Cô trong một buổi họp mặt tại trụ sở tạm (tư gia của Đồng Hương Lâm Sĩ Đắt). Hôm ấy có Đồng Hương Lâm Sĩ Đắt, Trần Lăng, Nguyễn Bửu Lân, ... và tôi (Nguyễn Văn Thịnh)

Cô đã bày tỏ tâm tình của người con gái “tứ cố vô thân” đối diện hằng ngày với bao nỗi khó khăn vất vả. Tình quê hương và lòng tự ái dân tộc là động lực chính giúp cho Hồ Thị Hạnh đứng vững trước những cơn bão tố của cuộc đời. Thật là một nữ lưu can trường trong chốn hồng trần đầy cát bụi này. Khi Bảng Tin Hằng Tháng Số 25 đến tay Quý Vị thì Đồng Hương Hồ Thị Hạnh đang trên đường về quê hương để thăm viếng Bà mẹ già.

Bà tuổi hạt đã cao lâm trọng bệnh đang từng ngày trông đợi đứa con yêu để gặp mặt nhau lần cuối. Chúng ta cùng cầu nguyện ơn trên ban phước cho sự sum họp này được trọn vẹn tình mẫu tử thiêng liêng của người mẹ hiền và người con gái thủy chung hiếu thảo.

Trên đây là vài nét đặc biệt về thành phần Ứng Cử Viên Ban Chấp Hành Nhiệm Kỳ 2005-2007 để trao đổi đôi điều cùng Quý Đồng Hương và Quý Thân Hữu với lòng vững tin và hy vọng. Vườn Bưởi Biên Hoà tại thành phố Houston không thể thiếu người giữ gìn chăm sóc. Những ứng cử viên đồng hương của chúng ta trong Ban Chấp Hành Nhiệm Kỳ 2005-2007 là những người giữ vườn vô vị lợi. Sự dấn thân hy sinh này phải được toàn thể chúng ta thương mến và dành nhiều tình cảm đặc biệt để động viên tinh thần, đó cũng là trách nhiệm và sự quan tâm của chúng ta để góp phần làm cho ngôi nhà Hội Ái Hữu Biên Hoà ngày càng vững mạnh, khu vườn Bưởi ngát hương thơm sẽ mãi đậm chồi nảy lộc phát triển không ngừng.

Đính kèm theo Bảng Tin Hằng Tháng Số 25 này, Quý Đồng Hương cư ngụ tại thành phố Houston và vùng phụ cận sẽ nhận được 01 (một) phiếu bầu cùng với phong bì có dán tem và ghi sẵn địa chỉ của Ban Tổ Chức Bầu Cử. Xin Quý Vị điền vào và gởi đi. Ngoài ra Quý Vị cũng có thể ghi thêm ý kiến đóng góp của mình về mọi lãnh vực xây dựng và phát triển của Hội. Quý Đồng Hương và Thân Hữu ở xa ngoài thành phố Houston và vùng phụ cận, các tiểu bang và các quốc gia Pháp, Anh, Ý, Úc, Canada, Denmark,...xin vui lòng dùng email gởi về datlam1951@yahoo.com hay datlam1951@hotmail.com, hay thư về địa chỉ Ban Tổ Chức Bầu Cử: 12419 Plumpoint Drive. Houston, Texas 77099, để đóng góp những ý kiến, đây đích thực là những viên gạch mà Quý Vị gởi về góp phần xây dựng ngôi nhà chung của chúng ta càng bền vững hầu lưu truyền cho các thế hệ mai sau.

Thành phố Houston một buổi sáng rực ánh dương quang

-Bình minh của tình thương và hy vọng.

TG Nguyễn trung Lynch.

PHÂN ƯU

Được tin thân mẫu của Đồng Hương Anh Phan Thành Lễ (Honolulu, Hawaii) và Anh Phan Thành Tâm (Malden, Massachusetts) là Cụ Bà Lê Thị Lân, trước kia là chủ tiệm vàng Kim Hưng tọa lạc khu đầu chợ Biên Hòa, đã thất lạc ngày 07 tháng 6 năm 2005 tại Biên Hoà, Việt Nam, hưởng thọ 81 tuổi.

Hội Ái Hữu Biên Hoà thành kính phân ưu và chia buồn cùng Đồng Hương Phan Thành Lễ và Phan Thành Tâm và toàn thể gia quyến. Nguyện cầu hương linh Cụ Bà Lê Thị Lân sớm về cõi Tây Phương Cực Lạc.

Chút Tình Quê Cho Cù Lao Phố

Thời gian qua chúng tôi đã có dịp đi đến những cơ sở thương mại chuyên làm khung hình để hỏi tiền công cũng như kích thước một khung hình, chúng tôi đã quyết định chọn khung 32 inches x 42 inches với giá 120 dollards. Khung này gồm có khung gỗ, kiếng không bị trầy, bê và tấm phong được chia cắt thành 25 ô hình chữ nhật để trưng bày 25 tấm hình. Chúng tôi sẽ bỏ công ra cùng gắn hình để giảm bớt tiền chi.

Chúng tôi xin được tiếp tục kêu gọi lòng hảo tâm của Quý Vị giúp đỡ tài chánh để chúng tôi xúc tiến việc làm khung hình triển lãm cho 100 tấm ảnh Cù Lao Phố và một DVD Cù Lao Phố.

Sau đây là danh sách Quý Đồng Hương và Thân Hữu đóng góp: Bác Tổng Đình Bắc (Austin, TX): 100 tấm hình, Bác Trần Minh Đức (Virginia), Anh Lâm Sông Đòng (Hou., TX) tài trợ tổng quát, Cô Lê Thị Lộc (El Centro, CA) tặng \$100 dollars, Chị Đỗ Thị Tuyết Mai (Seattle, WA) tặng \$50 dollars, Anh Ông Náo (Burien, WA) tặng vật liệu dán hình.

THÔNG BÁO

Hội Ái Hữu Biên Hoà, Houston, Texas đã nhận được 12 thư mời của Ban Chấp Hành Lâm Thời Hội Ái Hữu Biên Hoà Nam California gởi đến ngày 19 tháng 7 năm 2005, trân trọng kính mời Ban Chấp Hành Lưu Nhiệm Hội Ái Hữu Biên Hoà, Houston, Texas tham dự ngày thành lập Hội Ái Hữu Biên Hoà Nam California vào lúc 05 giờ chiều ngày Chúa Nhật 28 tháng 8 năm 2005 tại nhà hàng Regent West, số 4717 W. First Street. Santa Ana, California. Sổ thiệp mời này đã được Hội chuyển giao bằng thư đến Quý Vị trong Ban Chấp Hành Lưu Nhiệm Hội Ái Hữu Biên Hoà, Houston, Texas.

Hội Ái Hữu Biên Hoà, Houston, Texas kính lời cảm ơn chân thành đến Quý Vị trong Ban Chấp Hành Lâm Thời Hội Ái Hữu Biên Hoà Nam California. Nhân ngày thành lập Hội Ái Hữu Biên Hoà, Nam California, Hội Ái Hữu Biên Hoà, Houston, Texas kính chúc ngày thành lập Hội được thành công mỹ mãn. Chúc mừng Quý Đồng Hương Biên Hoà, Nam California có được ngày Đại Hội đầy đủ tình thân thương xứ Bưởi, Biên Hoà.

Cảm Tạ: Hội chân thành cảm tạ Quý Đồng Hương sau đây: Tặng Quỹ Hội: Đồng Hương Trần Văn Nguyên (Des Moines, IA) \$50 dollars, Bác Huỳnh Thị Thanh (Fresno, CA) \$50 dollars, Anh Huỳnh Châu (Livington, NJ) \$50 dollars.

Tặng tiền mua tem: Đồng Hương Ông Võ Văn Ốt (N Charleston, SC) \$100 dollars, **Cù Lao Phố:** Đồng Hương Đỗ Thị Tuyết Mai (Seattle, WA) \$50 dollars. **Biên Soạn:** Anh Lâm Sông Đòng. **Ấn Loát:** Ông Dương Văn Chí chủ nhân nhà in CompuNet tính nửa giá tiền. Phát Hành: Bác Trần-thượng Thủ, Anh Lâm Sông Đòng, Cô Đỗ Hà Trung Trang.

Quê Hương Biên Hùng

Hội Ái Hữu Biên Hoà trân trọng giới thiệu đến Quý Đồng Hương và Thân Hữu một lần nữa sự đóng góp của Đồng Hương Trần Văn Trung (Bên Gỗ, Biên Hoà, hiện đang sinh hoạt ở Pháp) với bài tham khảo tựa đề “Quê Hương Biên Hùng”. Qua tiến trình lịch sử, chúng ta có dịp tìm hiểu về nguồn gốc dân tộc, thành hình một quốc gia Việt Nam nói chung và vùng Biên Trấn nói riêng. Qua bao diễn biến theo cuộc Nam Tiến với hơn bốn trăm năm gầy dựng cho đến sự phồn thịnh ngày nay nơi vùng đất được xem là địa linh nhân kiệt, chúng ta sẽ được biết về những di tích cổ xưa mà ngày nay một số đã bị tàn phá bởi chiến tranh, một số còn lại cũng dần phai vết tích theo bóng thời gian, những danh nhân dựng nước, tạo nên “Biên Hùng” và những địa danh vang lừng, chùa, miếu, đình, lăng

Hội Ái Hữu Biên Hoà chân thành cảm tạ Đồng Hương Trần Văn Trung. Kính mời Quý Vị.

Thế kỷ XX vừa dứt, thiên niên kỷ thứ 3 mới bắt đầu. Trong lúc các nhà khảo cứu xã hội trình bày lịch sử các Quốc gia từ khởi thủy đến nay, các nền văn minh cổ Á Âu trên truyền hình, thiết tưởng nhắc lại lược sử miền quê Việt Nam không là điều vô bổ. Lịch sử đồng bằng sông Cửu Long được nhiều sách nói đến, sự tích miền Đông, vùng Đồng Nai ít người tường thuật. Bài lược khảo này nhằm nhắc lại các sự kiện liên hệ đến tỉnh Biên Hoà. Nếu có sơ suất xin quý vị thứ lỗi.

I.- Nguồn gốc dân tộc Việt Nam

1- Huyền thoại: Dòng giống dân tộc Việt Nam xuất phát dịch lý âm dương, nam nữ, thuộc con cháu Rồng Tiên. Cha là Lạc Long Quân, là Rồng, Dương, biểu tượng cho sức mạnh hào hùng bất khuất. Còn Mẹ là Âu Cơ, là Tiên, Âm, ở trên núi cao tượng trưng cho sự thanh khiết, hoà hợp thiên nhiên, cánh chốn bao la hùng vĩ. Việc chọn con vật hay vật quý làm biểu tượng đã có ở nhiều nơi: Bò (Ai Cập), Gà Trống (Pháp), Gấu (Nga, Thụy Sĩ), Ó (Mỹ), Rồng (Trung Hoa), Mặt trời (Nhật). Thần thoại VN còn kể là Kinh Dương Vương lấy Long Nữ sinh ra Lạc Long Quân. Vợ là Âu Cơ sau khi sinh bọc 100 trứng, nở 100 người con. Mẹ mang 50 người con lên núi, Cha mang 50 người con xuống biển, sống nghề chài lưới.

2- Sử lược VN: Dân nước Văn Lang xưa chính là người Lạc Việt. Đồi Tản Thủy Hoàng, Bách Việt ở Hoa Nam bị thôn tính và đồng hoá. Việt tộc ở Hoa Nam vẫn giữ tinh thần kháng cự nhà Hán cho đến khi Hai Bà Trưng khởi nghĩa (năm 40 sau Tây Lịch) – Lịch sử Việt Nam tiếp nối, được các sử gia trình bày tỉ mỉ, từ cuộc đô hộ của Tàu, đến các cuộc khởi nghĩa Việt Nam phục hồi độc lập, đến vua cuối cùng nhà Nguyễn, là Bảo Đại (thoái vị ngày 25-8-1945).

3- Ước đoán: Về nguồn gốc dân tộc Việt Nam, các nhà nhân chủng học và sử gia đưa nhiều thuyết khác nhau:

- Người Việt Nam thuộc dòng giống Thái lai Mông Cổ (Tạng-Miến) từ Tây Tạng, Vân Nam theo sông Hồng Hà kéo xuống Trung Châu Bắc Việt.

- Người Giao Chi từ Hoa Nam xuống lập nghiệp ở sông Hồng Hà.

- Căn cứ vào bộ xương người đào được, dân tộc Việt Nam thuộc giống Mélanésiens-Indonésiens (người Indonésiens ở Ấn Độ bị người Aryens đánh đuổi chạy sang bán đảo Trung Ấn, lên Tây Tạng, và sang lưu vực sông Dương Tử. Sau dân này lai giống với người Mélanésiens từ các hải đảo Nam Thái Bình Dương thành dân hợp chủng nói trên). Nhóm sang lưu vực sông Dương Tử là tổ tiên dòng Bách Việt.

Những nhà ngôn ngữ phân tích tiếng nói của các bộ lạc Thượng, đã xếp các thổ ngữ thành 2 loại chính:

- Ngôn ngữ Malayo-Polynésien (tiếng Chăm, Rhadé ...)

- Ngôn ngữ Môn-Khmer (thuộc loại dân Miến Điện, Mã Lai, ở Việt Nam là tiếng Sedang, Khatu ...)

Do đó, dân tộc Việt Nam là một giống người hợp chủng. Một số người kết hôn với người Tàu di dân, thành người Minh Hương.

Tóm lại, ngoài người Việt Nam xuất phát từ miền Trung Du Bắc Việt, sau những cuộc di dân nói trên và pha trộn chủng tộc, còn có nhiều sắc dân thiểu số: đồng bào Thượng (Thái, Thổ, Nùng, Mường, Mán, Mèo, Lô Lô, Bahnar, Djarai, Chăm ...)

II- Nói rộng lãnh thổ

Lãnh thổ Việt Nam được nói rộng qua các thời đại do cuộc Nam Tiến của người Việt, lấn chiếm đất đai của các dân tộc khác ở phương Nam.

1) Bước Nam tiến

a) Những di tích Chiêm Thành gồm có:

- Trà Kiệu (kinh đô Lâm Ấp): hiện thuộc tỉnh Quảng Nam. Năm 543 sau Tây lịch, vì Lâm Ấp quá nhiều mạn biên cương, Lý Bôn (Tiền Lý) vào đánh Lâm Ấp, đốt phá đền đài.

- Đồng Dương (kinh đô Chiêm Thành): biên cương phía Bắc của Chiêm Thành bao gồm dãy Hoàng Sơn. Triều đại thứ VI của Chiêm Thành cai trị cả đất Phan Rang, Phan Rí ngày nay. Di tích là Tháp Bà ở Nha Trang.

- Chà Bàn (Đồ Bàn): Năm 989, vua Lê Đại Hành vào đánh xứ Quảng Nam nay, đốt phá Đồng Dương, Trà Bán. Vua Chiêm xây dựng kinh đô mới ở Phật Thệ (Fo-Che) sau gọi là Chà Bàn (Cho-P'an). Di tích Tháp Cảnh Tiên.

Năm 1069, vua Lý Thánh Tông dẫn thủy binh phá kinh đô Đồ Bàn (Bình Định), bắt vua Chiêm Thành. Để chuộc tội, vua này dâng nhà Lý đất Hoàn Sơn tới Cam Lộ (Quảng Trị).

Vua Chiêm là Chế Mân dâng nhà Trần đất từ Cửa Việt đến đèo Hải Vân để được cưới Huyền Trân công chúa.(1306).

Năm 1402, Hồ Quý Ly đánh Chiêm Thành, chiếm hết miền duyên hải thuộc Quảng Nam, Quảng Ngãi bây giờ.

Năm 1470, vua Lê Thánh Tông vào đánh chiếm hết đất Bình Định. Chúa Nguyễn lấy đất Phú Yên (1611), Phan Rang (1653), và Phan Thiết (1693), đất chót của Chiêm Thành.

Chân Lạp: Nước Chiêm Thành bị Việt Nam chiếm hết đất, Chân Lạp trở thành láng giềng trực tiếp của ta. Nước này vốn là thuộc quốc của đế quốc Phù Nam, nhưng sau đó mạnh thế tiêu diệt Phù Nam hẳn.

Từ thế kỷ XVII đến nửa sau thế kỷ XVIII, chúa Nguyễn lần lần chiếm hết đất Thủy Chân Lạp cho đến Hà Tiên. Từ đời vua Gia Long, nước Cao Miên xưa là Lục Chân Lạp, trở thành phiên thuộc của nhà Nguyễn. Ít lâu sau, em vua Cao Miên là Nặc Ông Nguyên cầu cứu với nước Xiêm để bắt anh là Nặc Ông Chân chia đất.

Bị quân Xiêm sang đánh, Ông Chân cầu cứu với nhà Nguyễn. Năm 1813, Gia Long sai tổng trấn Gia Định thành là Lê Văn Duyệt hộ tống Ông Chân về nước. Gia Long sai ông Nguyễn Văn Thịnh cầm quân ở lại bảo hộ. Vua Xiêm nhượng bộ chịu để cho vua Việt Nam xử trí việc Cao Miên. Năm 1834, nhân khi Lê Văn Khôi cầu viện vua Xiêm sai quân thủy bộ sang đánh Việt Nam, chiếm lấy Hà Tiên, Châu Đốc. Nhưng Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân đánh lấy lại hai tỉnh này, lấy luôn thành Nam Vang, đưa Ông Chân về nước. Cao Miên được đặt dưới quyền bảo hộ của Việt Nam.

1) Di tích sử địa, văn hoá

a) - Sử ký: Sau khi Chúa Nguyễn chiếm gần hết đất Chiêm Thành thì người Việt Nam đã do đường biển lui tới trên đất Chân Lạp. Một số nông dân đã sinh cơ lập nghiệp tại miền Mố Xoài (Mỗi Xuôi, gần Bà Rịa), và miền Đồng Nai (đều thuộc tỉnh Biên Hoà từ trước).

Theo “Đại Nam Nhứt Thống Chí”, tỉnh Biên Hoà có lẽ là nước Bà Lị xưa, sau là đất Bà Rịa và Đồng Nai. Đường Thư “chép”: Bà Lị ở phía Đông Nam nước Chiêm Thành, phía Nam nước này có nước Thủ Nại, sau đời Vĩnh Huy (650-655) bị nước Chân Lạp kiêm tính.

Theo “Gia Định Thông Chí”, Bà Lị là Bà Rịa, Thủ Nại, âm gần giống Đồng Nai (có lẽ là đất Sài Gòn nay). Năm Mậu Dần thứ 8 (1698), đời Hiến Tông sai Chương Cơ Nguyễn Hữu Kinh (Cánh) lấy xứ Lộc Dã (tức Đồng Nai, người Thanh gọi là “Nông Nại” đặt làm huyện Phước Long, đặt dinh Trấn Biên thuộc tỉnh Gia Định.

Đất này bị Tây Sơn chiếm cứ (1774). Năm Mậu Thân (1788), Thế tổ Cao Hoàng khôi phục Gia Định. Năm Gia Long thứ 7 (1808) đổi làm Trấn Biên Hoà thuộc Gia Định. Năm Minh Mạng thứ 13 (1832) gọi là tỉnh Biên Hoà, năm 1834 xứ Biên Hùng, năm 1834 lại là tỉnh Biên Hoà, ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ là Gia Định, Biên Hoà và Định Tường, ba tỉnh miền Tây là Long Hồ, An Giang và Hà Tiên. Do đó, được gọi là Nam Kỳ Lục Tỉnh. Năm 1889, Pháp chia tỉnh Biên Hoà thành 3 tỉnh mới: Biên Hoà, Bà Rịa, Thủ Dầu Một. Vì lẽ Biên Hoà thuộc lúc đầu vào Gia Định, nên biết thêm là tỉnh Gia Định vốn là tỉnh Phiên An, được đặt từ năm Minh Mạng thứ 13 (1832). Sau cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi, thành Phiên An bị triệt hạ và năm thứ 17 xây thành mới, đổi tỉnh Phiên An thành Gia Định. Thành Gia Định được xây từ 1836, lại bị nhà cầm quyền Pháp triệt hạ và xây dựng thành phố Sài Gòn mới làm thủ phủ Nam Kỳ. Dự án xây cất thành phố Sài Gòn mới được đề đốc Bonard chấp thuận vào tháng 4 năm 1862 và công trình xây cất bắt đầu ngay năm đó, cùng lúc với Chợ Lớn. Nên biết thêm là từ 1790, thành Sài Gòn cũ (Qui Thành) do 2 chuyên viên Olivier de Puymanel và Le Brun thiết lập hoạ đồ từ 1789 và được Nguyễn Ánh chấp thuận. Thành xây theo kiểu bát quái, yếu tố dịch lý Đông Phương, với những mô hình kiến trúc tây phương (kiểu Vauban). Khởi công từ tháng 3 năm 1790 và hoàn thành 3 tháng sau đó (bộ sử Đại Nam Thực Lục Chính Biên của triều Nguyễn). Như thế, cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19, Phiên An trên bao gồm 2 thị trấn lớn: Sài Gòn (nay là Chợ Lớn) và Bến Nghé (nay là Sài Gòn). Tóm lại, vì vua Chân Lạp là Chei-Chét-Ta li (1618-1628), kết hôn với một công chúa thuộc dòng các chúa Nguyễn ở Huế, nên cho phép một số dân Việt Nam vào Thủy Chân Lạp (Tchen la) lập nghiệp. Khi có nội loạn hay bị ngoại xâm, nhờ Việt Nam giúp đắc lực, và cất đất biểu để trả ơn. Việt Nam đã được đất Biên Hoà (1650), Sài Gòn (Tài Ngon, theo người Hoa: Cây Gòn) (1698), Hà Tiên (của Mạc Cửu / 1708), Mỹ Tho, Bến Tre, Vĩnh Long (1731). Tân An, Gò Công (1755), Trà Vinh, Sóc Trăng (1758).

Từ giữa thế kỷ XVIII17 và XVIII, dân tộc Việt Nam chiếm trọn miền duyên hải của Thủy Chân Lạp đến Châu Đốc. Trong đất này, trước kia người Khmer có để lại trên một gò cao giữa đồng lấy rộng mênh mông 1 tháp cao 10 tầng gọi là Prassat Prom Loveng (Đồng Tháp Mười), nay đã đổ nát, được Việt Nam xây cất lại.

b) - Địa lý: Năm 1679, các cựu thần nhà Minh là Trương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên vì bất phục nhà Mãn Thanh đã dẫn 3000 quân sang Đại Việt xin chúa Nguyễn cho định cư làm dân Việt. Chúa Nguyễn cho họ vào Đông Phố (Giản Phố), chia cho Trần Thượng Xuyên ở Lộc Dã (Đồng Nai), và Trương Ngạn Địch cùng phó tướng Hoàng Tiến ở Mỹ Tho (Định Tường) sống nghề làm ruộng, lập phố phường buôn bán. Sau Hoàng Tiến nổi loạn giết Trương Ngạn Địch, thông đồng với Nặc Ông Nôn uy hiếp Cao Miên. Ở miền Tây, từ năm 1708, Mạc Cửu, vong thân nhà Minh, sang đất Sài Mạt (Hà Tiên) khai thác bằng nghề thương mại rất phồn thịnh, cưới vợ Việt, và được Nguyễn Phúc Chu phong Tổng Trấn Hà Tiên.

(Tiếp theo kỳ sau)

PHỤ BẢN BẢNG TIN HẰNG THÁNG SỐ 25
PHÁT HÀNH NGÀY 01 THÁNG 8 NĂM 2005 TẠI HOUSTON, TEXAS



NHỚ VỀ NHÀ THƠ NGUYỄN TẤT NHIÊN
(1952-1992)

Di ảnh Cố Thi Sĩ Nguyễn Tất Nhiên

(Hình được chụp vào ngày Hội Cựu Học Sinh Ngô Quyền tổ chức buổi “Thuyết Trình Đường Vào Đại Học” tại sân trường Ngô Quyền, thuở mà Nguyễn Tất Nhiên còn là sinh viên. Hình này được copy và phóng lớn từ tấm hình 4x6 của Đồng Hương Lâm Sông Đồng đóng góp)

Vào Mạng Lưới Thông Tin Quốc Tế, tôi tình cờ đọc được bài viết của ông Võ Cao trong Website VietFun (Chuyện Bên Lề) như sau:

Nguyễn Tất Nhiên
Những Ngày Còn Trên Trần Gian

Một hôm nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên mang tập thơ đến một nhà sách ở Miền Nam California để gửi bán. Bà chủ nhà sách nói “Thời buổi này mà còn thơ với thần. Chưa đầy một trăm trang mà ghi giá tám dollars thì có ma mà nó mua. Tám dollars người ta ăn được hai bát phở”

Nài nỉ mãi không được, Nguyễn Tất Nhiên đành ôm mấy tập thơ buồn bã ra về.

Đọc xong mấy dòng trên đây, tôi cảm thấy như chính lòng mình bị tổn thương, vì nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên là con của anh chị chủ nhà may Nguyễn Ngọc nổi tiếng ở Biên Hoà trước ngày 30-4-75, rất thân thiết với tôi.

Tôi không biết chủ nhà sách nào mà miệng mồm ác thế, chẳng những làm buồn nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên mà còn làm lảng lòng nhiều nhà thơ khác với câu “*Thời buổi này mà còn thơ với thần*” và so sánh tập thơ một trăm trang với nhiều tâm huyết của nhà thơ không bằng giá hai tô phở, một tập thơ được nhạc sĩ Phạm Duy chọn lọc và phổ nhạc nhiều bài. Ôi! Mĩa mai làm sao. Ôi! Buồn làm sao cho kiếp thi nhân. Bà chủ nào đó ơi, bà không có lời từ chối nào nhẹ nhàng hơn những lời đó sao?! Chủ nhà sách mà không biết thương văn nhân, thi sĩ là một điều hơi lạ phải không các bạn!?

Tôi rất thương mến Nguyễn Tất Nhiên một nhà thơ tài danh mệnh bạc, biết làm thơ từ thuở mười một tuổi. Năm lên mười lăm tuổi, Nguyễn Tất Nhiên bắt đầu cuộc đời lạng lạng, đi tìm vần thơ trong kiếp sống đầy tai ương, rồi gia nhập phong trào du ca rày đây mai đó. Đến năm mười sáu tuổi, theo tài liệu ghi phía sau tập thơ “**Thiên Tai**”, Nguyễn Tất Nhiên lần lượt xuất bản trong một năm những ba tập thơ “**Nàng Thơ Trong Mắt**” (1968), “**Dấu Mưa Qua Đất**” (1968), “**Mưa Trên Lưng Đồi**” (1968), “**Thiên Tai**” (1970) với những lời buồn như số phận.

*Ta hồng Tú Tài ta hụi tình yêu
Thì hồng mất rồi ta đợi ngày đi
Đau lòng ta muốn khóc.*

Nhạc: Thà Như Giọt Mưa,
Thơ: (Khúc Tình Buồn)
*Mai về thiếp giữa rừng hoang
Chiêm bao chắc cũng hai hàng chân đi.
(Chết Tôi Một Cuộc Vong Tình)*

*Em bây giờ có lẽ toan tính chuyện lọc lừa
Anh bây giờ có lẽ xin làm người tình thua
(Hai Năm Tình Lận Đận)*

*Những trưa ngồi quán vắng
Chia nhau tình phơi phai
Xa nhau mà không hay
(Ma Soeur)*

Tôi nhớ khoảng thời gian từ năm 1969 đến 1973, Nguyễn Tất Nhiên có đến thăm tôi vài lần và cho tôi xem mấy tập thơ... đồng thời than phiền rằng, nhạc sĩ Phạm Duy đã lấy thơ của cháu phổ nhạc mà không trả cho cháu tiền tác quyền hoặc nói với cháu một lời nào, và cả trong bản nhạc cũng không có ghi tên cháu như theo thông thường những nhạc sĩ khác vẫn ghi thơ của ai và nhạc của ai, mà chỉ ghi nhạc và lời của Phạm Duy. Theo sự hiểu biết của tôi lúc bấy giờ, thì bất cứ một tác phẩm văn thơ nào đã có giấy phép xuất bản hợp pháp coi như tác giả đã cầu chứng chủ quyền. Mọi người có quyền mua tác phẩm ấy về đọc, nếu hay thì cất giữ để xem lại lần sau, nếu dở thì có quyền cho vào thùng rác, nhưng nếu ai sử dụng tác phẩm ấy với dụng ý khác như dịch thuật nguyên tác hoặc phổ nhạc đều phải có sự đồng ý của tác giả, nếu không, tác giả đưa nội vụ ra toà đòi bồi thường tiền trước tác.

Luật lệ thì như thế, nhưng lúc bấy giờ tôi chỉ khuyên Nguyễn Tất Nhiên nên tìm gặp nhạc sĩ Phạm Duy thảo luận xem sao và cũng từ đó tôi bận đường ngược xuôi vì công vụ, vì chén cơm manh áo nên không có dịp gặp lại Nguyễn Tất Nhiên để hỏi thăm việc “đòi tiền tác quyền mấy bài thơ” đã được nhạc sĩ Phạm Duy giải quyết ra sao.

Thời gian trôi qua, làn sóng đỏ lan tràn khắp nơi. Miền Nam chịu nhiều áp lực. VNCH bùng súng vào ngày 30-4-75, coi như nước mất, nhà tan, người dân Miền Nam, mỗi người một số mệnh điều linh theo vận nước, tôi bị bắt vào tháng 5-75, trước ngày Cộng Sản ban hành lệnh trình diên cải tạo; gia đình Nguyễn Tất Nhiên vượt biên sang định cư tại Hoa Kỳ. Đến năm 1991, tôi được đi HO qua nước Mỹ, chưa có dịp gặp lại Nguyễn Tất Nhiên, thì nghe tin Nguyễn Tất Nhiên đã tự quyết định lìa bỏ cuộc đời vào một buổi chiều mùa Hạ ngày 03-8-1992. Nguyễn Tất Nhiên chết trong xe của mình đậu ở sân chùa, có tên là “Chùa Việt Nam” thuộc thành phố Garden Grove, Orange County, California. Lúc bấy giờ tôi đang định cư tại thành phố Chicago chỉ biết ngậm ngùi thương xót cho cháu mà thôi.

Cách vài năm sau, tôi tình cờ đọc được một bài báo cũ, trong đó có ghi một đoạn nhạc sĩ Phạm Duy trả lời với Nguyễn Tất Nhiên, tôi không rõ nguyên văn, chỉ nhớ đại ý ông nói như sau: “*Tôi phổ nhạc thơ anh.....còn đòi tiền tác quyền gì nữa*”. Bài báo có ý nói nhạc sĩ Phạm Duy chơi ép nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên một cách quá đáng. Tôi thấy bài báo nhận xét đúng. Đại nhạc sĩ Phạm Duy thiếu cung cách của một người nghệ sĩ đàn anh, đàn chú bác đối với Nguyễn Tất Nhiên, một nhà thơ trẻ, mới 16 tuổi đời đã cho xuất bản đến những ba tập thơ: “**Nàng Thơ Trong Mắt**”, “**Dấu Mưa Trên Đất**” và “**Mưa Trên Lưng Đời**” mà nhạc sĩ Phạm Duy đã phổ nhạc như: ****Hai Năm Tình Lặn Đạn **Em Hiền Như Ma Soeur ** Cô Bắc Kỳ Nhỏ Nhỏ ** Thà Như Giọt Mưa ** Anh Vái Trời ** Hỡi Yêu Chàng** (Hiện website nhạc VMDB ghi nhạc và lời của Phạm Duy, đúng ra phải ghi Thơ: Nguyễn Tất Nhiên, Nhạc: Phạm Duy).

Sau khi đọc bài báo nói trên, tự dung lòng tôi vội đi một phần cảm tình đối với nhạc sĩ Phạm Duy, một nhạc sĩ mà từ lâu tôi vô cùng thán phục và tôn vinh là thần tượng về tinh ca quê hương. Phạm Duy đã không khuyến khích tinh thần mà còn bạc đãi một nhà thơ còn quá trẻ như Nguyễn Tất Nhiên, ông xử sự không công bằng, không như nhạc sĩ Song Ngọc khi phổ nhạc một bài thơ của Nguyễn Đình Toàn ông đã phải tìm đến nhà thơ này trình bày về ý định của mình và cho chia hai tiền tác quyền, gởi đến Nguyễn Đình Toàn ngay, khi bản nhạc được phát hành (phần này tôi nghe trong DVD Paris By Night 74, Hoa Bướm Ngày Xưa, gồm nhiều bản nhạc chọn lọc của ba nhạc sĩ Nguyễn Hiền, Huỳnh Anh và Song Ngọc). Tôi rất cảm phục nhạc sĩ Song Ngọc về cách hành xử này. (Hùm chết để da người ta chết để tiếng, phải không anh Song Ngọc?). Xin mời các bạn thưởng thức những vần thơ sau đây để cảm thông và thương cho một nhà thơ trẻ của Biên Hoà Xứ Bưởi:

*Tình mới lớn phải không em rất thích
Cách tập tành nào cũng thật dễ thương*

.....

*Tình mới lớn phải không em rất lạ
Cách tập tành nào cũng ngỡ như nhau.*

.....

*Tình mới lớn phải không em rất mong
Cách tập tành nào cũng dễ hư hao.*

.....

*Em có một đời rong xanh mơ đã
Tôi có nghìn năm say khước hận thù.*

(Bài Thăm Một Đầu Tiên)

*Giọt mưa xanh mấy tuổi nàng. Tôi nghe lá rụng như vàng áo xưa
Hơi tàn tro ấm lần đưa. Ba năm khơi lại cũng vừa ... đủ đau.*

(Nên Thời Gian Ấy Ngươi Trông)

Nguyễn Tất Nhiên bị tình phụ nên viết được những bài thơ hay. Nguyễn Tất Nhiên bị người đời chiếm thơ phổ nhạc nên thơ Nguyễn Tất Nhiên ẩn chứa nhiều u uất, nỗi niềm này thúc giục Nguyễn Tất Nhiên cố gắng nghiên cứu về nhạc lý để có thể tự phổ nhạc những bài thơ của chính mình và trên lãnh vực này Nguyễn Tất Nhiên đã thành công, được người đời phong cho tước vị nhà thơ kiêm nhạc sĩ. Dĩ nhiên là không thể nào so sánh với nhạc sĩ Phạm Duy, một nhạc sĩ được xếp vào hàng thượng thừa của đất nước, với những bản tình ca quê hương tuyệt vời, với hàng trăm bản nhạc bất hủ và hàng ngàn lời ca hay đủ thể loại: Tình Ca, Đạo Ca, Dân Ca, Tục Ca, Thương Ca, Tị Nạn Ca... Rất tiếc, về phần nhạc Nguyễn Tất Nhiên tôi chỉ sưu tầm được hai bản:****Chiều Trên Đường Hồng Thập Tự **Khi Nào Em Vượt Biển.**

Sau mười ba năm, kể ngày Nguyễn Tất Nhiên qua đời, vào khoảng thượng tuần tháng Năm, 2005, tôi tình cờ đọc trong Người Việt Online và thấy có bài phỏng vấn Duy Quang, nhân dịp nhạc sĩ Phạm Duy quyết định trở về Việt Nam an hưởng tuổi già, với tựa bài “**Duy Quang- Cha Tôi Không Thiếu Sự Đa Tình Và Sôi Nổi**”.

Duy Quang trình bày: “*Tôi đã hát rất nhiều nhạc phẩm của ông, mỗi bài là một kỷ niệm không thể nào quên được, nhưng ghi dấu ấn trong tôi nhất, có lẽ là những bài được phổ nhạc từ thơ Nguyễn Tất Nhiên như Thà Như Giọt Mưa, Em Hiền Như Ma Soeur...Lời ca nhẹ nhàng đầy chất thơ của những bài hát này đã làm vỡ oà những cảm nhận yêu đương đầu đời của tôi.*”

Sau khi đọc mục trả lời phỏng vấn của Duy Quang, tôi cảm thấy cuộc đời sao có lắm điều mâu thuẫn, cùng một bài thơ mà kẻ thích người không, nhưng khi kiểm nghiệm lại, tôi thấy hiện tượng này cũng thường xảy ra vì cảm quan nhận thức nghệ thuật của mỗi người có sự khác nhau. Duy Quang thích thơ Nguyễn Tất Nhiên nên khi hát đã để hết tâm trí gởi theo hồn thơ nhẹ nhàng và đẹp ý. Phạm Duy thì dùng thơ Nhiên chỉ để kiếm tiền! Ước gì Nguyễn Tất Nhiên còn sống để được nghe mẩu chuyện này.

Và gần đây tôi được nghe, mà mừng, là những bài thơ của Nguyễn Tất Nhiên được Phạm Duy phổ nhạc đều có sự thoả thuận trước. Nguyễn Tất Nhiên, chỉ có một lần, không hài lòng Phạm Duy về việc bán bài “Thà Như Giọt Mưa” cho hãng đĩa nhạc Việt Nam để viết thành cổ nhạc mà không có đề tên Nguyễn Tất Nhiên. Sự việc này đã được gia đình Nguyễn Tất Nhiên đưa ra toà và nhạc sĩ Ngọc Chánh đã đại diện cho Phạm Duy đứng ra dàn xếp bồi thường nên nội vụ được bãi nại.

Ngoài ra tôi cũng được biết thêm, khi Nguyễn Tất Nhiên qua Mỹ năm 1981, có ghé thăm nhạc sĩ Phạm Duy và môi giao tình đôi bên diễn ra rất tốt đẹp. Đến mười năm sau, khi Nguyễn Tất Nhiên lià đời, chính nhạc sĩ Phạm Duy đã dự phần đưa tiền và phát biểu khi hạ huyệt, bày tỏ sự quý mến tài năng và cảm thông cuộc đời bất đắc chí của nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên.

Phần trên đây, tôi kể về nỗi éo le cay đắng cuộc đời của Nguyễn Tất Nhiên và thương một người cháu tài hoa mệnh bạc với nhận xét: Nguyễn Tất Nhiên đã thành công trong lãnh vực thơ và hân hạnh được dòng nhạc của Phạm Duy chấp cánh, nên thơ của Nguyễn Tất Nhiên có dịp bay cao và trở thành bất tử. Về lãnh vực nhạc, Nguyễn Tất Nhiên không thành công mấy, chỉ gọi là góp mặt với đời. Rất tiếc nhà thơ kiêm nhạc sĩ Nguyễn Tất Nhiên đã tự quyết định lià bỏ cuộc đời quá sớm, ở tuổi bốn mươi, cái tuổi chững chạc và sung mãn nhất trên lãnh vực viết lách. Nguyễn Tất Nhiên đã không cho chúng ta có dịp thưởng thức thêm những vần thơ u ẩn và những dòng nhạc trầm buồn mang nhiều ý vị. Tôi đoán chắc khi nghe tin thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên qua đời vào ngày 03-8-1992, chắc nhạc sĩ Phạm Duy cũng để ra một thoáng gọn buồn, thương cho nhà thơ bạc mệnh này.

Riêng tôi có mấy vần thơ thương nhớ sau đây dành cho cố thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên, nhà thơ trẻ của xứ Bưởi đã sớm bỏ cuộc đời vì nhiều lý do thâm kín.

THƯƠNG NGUYỄN TẤT NHIÊN

Cháu là đứa trẻ ta thương nhất
Sớm vương vào thơ, lụy cuộc đời
Những trái sầu đau từ vụn cỏ
Vô tình cháu hái ghép vào thơ.

‘*Dấu Mưa Trên Đất*’ qua lòng đất
Gởi lại niềm đau cõi thể nhân
Ta đã trang nghiêm từng nỗi nhớ
Trong hồn đong mãi những băng khuâng.

Cháu đến thăm ta chiều nắng hạ
Quần quanh bàn chuyện mấy vần thơ
Trách người phổ nhạc không buồn nói
Một tiếng... cho lòng dậy ước mơ.

‘*Nàng Thơ Trong Mắt*’ còn nguyên đó
Người đã về đâu hỡi cố nhân ?!
Đây nén hương lòng người xứ Bưởi
Gửi người vắng số, một tài danh.

Cháu không nói cháu đã yêu ai
Qua mấy vần thơ, tiếng thờ dài...
Ta thấy bóng người con gái Bắc
Lúc mờ lúc tỏ hẹn chia tay.

‘*Mưa Trên Lưng Đời*’ thương nhớ cháu
Roi trên phím nhạc rưng ưu sầu
‘*Thiên Tai*’ ẩn ức dòng cay nghiệt
Để lại cho đời mấy nỗi đau.

Quê hương, ta đã từng thương cháu
Đất khách, bụi ngùi cảnh biệt ly
Ta mong giữa chốn trời quên lãng
Hồn cháu an nhàn nhẹ cánh bay.

Nguyễn Tất Nhiên tên thật là Nguyễn Hoàng Hải sanh ngày 30-5-1952 tại Đức Tu, Biên Hoà, đã lià bỏ cuộc đời vào ngày 03-8-1992, ở tuổi 40, tại Garden Grove, Orange County, California, Hoa Kỳ. Thật đáng thương thay!

Nhân đây, tôi cũng xin phép anh chị Nguyễn Ngọc và gia đình, đang ở California, thông cảm cho tôi, về việc viết bài này mà không hỏi qua ý kiến của anh chị trước. Tôi viết bài này vì tình thương cháu Nguyễn Tất Nhiên, chứ không cố tình gởi lại một niềm đau và tôi cũng xin bác Phạm Duy, một nhạc sĩ tài danh vào hàng thượng thừa của đất nước Việt Nam, nếu bác có vô tình đọc bài viết này, xin bác thông cảm cho tôi, vì muốn trình bày sự thật về niềm u ẩn của Nguyễn Tất Nhiên mà có những lời trình bày liên quan đến bác.

Xin chân thành đa tạ.

Nguyễn Kim Lộc (Chicago, ngày 03-7-05)

TÌNH YÊU TRONG NỀN VĂN HOÁ VIỆT

Hội Ái Hữu Biên Hoà xin trân trọng giới thiệu cùng Quý Đồng Hương và Thân Hữu một bài viết rất đặc sắc về văn hoá Việt Nam của Giáo sư Lu Tấn Hồng, cựu Thẩm Phán Toà Án Quân Sự. Bài này là một trong năm bài Giáo sư đã có nhã ý tặng Hội để góp phần trong phần Bảng Tin. Hội chân thành cảm tạ Giáo sư Lu Tấn Hồng. Kính mời Quý Vị.

Tư Tưởng Việt: Biến Hoá, Thăng Hoa, Hoà Đồng (Tiếp theo kỳ trước)

Roméo và Juliet gặp nhau đã bị thu hút bởi mãnh lực của bản năng tình dục: sắc đẹp diễm lệ của cô gái tuổi 13 (Juliet) và dáng dấp hào hoa phong nhã của Roméo. Tiêng sét ái tình làm cho tâm hồn non trẻ của Roméo và Juliet bùng hoả ngay ngất. Say đắm trong tình yêu vừa chớm nở bởi vẻ đẹp bên ngoài của đôi trai gái, do bản năng tình dục thúc đẩy, họ quyết định kết hôn trong vòng bí mật với bí tích hôn phối do linh mục Lawrence, cha linh hướng của Roméo, đại diện cho giáo quyền. Nhưng nhiều biên cố dồn dập xảy ra ngăn cản cuộc hôn nhân của đôi trẻ. Họ đành chọn cái chết để được nằm bên nhau cho trọn tâm chân tình. Có thể nói mối tình giữa Roméo và Juliet là mối tình phát sinh từ bản năng tình dục thiên nhiên với những dấu ấn của nền văn hoá gốc du mục: thù hận, đấu gươm, chém giết với khát vọng chiếm hữu, thuốc độc, tự sát bằng dao, với bí tích hôn phối ... và chết là chấm dứt mối tình trắc trở, đau thương đầy máu và nước mắt của đôi tình nhân. Chết là hết, là chấm dứt tất cả.

Mối tình Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài là mối tình phát sinh từ tình bạn chứ không phải do bản năng tình dục thúc đẩy như mối tình của Roméo và Juliet. Cùng chung sống dưới một mái nhà của thầy học, cùng ăn học, dần dần họ trở thành đôi bạn đồng môn. Tính tình, nét na, tư cách khiến họ quý mến nhau rồi trở thành đôi bạn thân. Tình bạn chuyển thành tình yêu lúc nào không biết. Thật cao đẹp và trong sáng làm sao!

Khi tình yêu bị trắc trở họ cũng lấy cái chết để giải quyết mâu thuẫn của xã hội. Nhưng chết không phải là chấm dứt. Chết chỉ là sự biến đổi. Biến đổi hoá thành đôi bướm. Biến, hoá để vươn tới hoà hợp: đôi bướm liền cánh cùng bay lên bầu trời cao rộng mênh mông bao la vô tận. Biến, hoá, hoà hợp là đặc tính mà văn hoá du mục của Hoa Hán đã thấu hoá được của nền văn hoá nông nghiệp trồng lúa nước ở vùng đồng bằng sông Dương Tử.

Mối tình Trương Chi, My Nương nếu bỏ đi những yếu tố Hán hoá – tiêu thư đài các, mơ mộng, lãng mạn, sống xa cách nếp sống nông nghiệp – là mối tình minh hoạ một trong những nét đặc trưng ưu việt của nền văn hoá nhân bản Việt: đó là tư tưởng biến, hoá, thăng hoa và hoà đồng. Mối tình Trương Chi, My Nương phát sinh từ tiếng sáo quỳên rừ gọi tình của người nghệ sĩ: thanh thoát và cao đẹp, siêu việt vô cùng.

Nếu mối tình éo le, trắc trở đầy mâu thuẫn đó kết thúc ở chỗ My Nương chôn sâu mối tình đầu trong lòng, và Trương Chi chết trong tuyệt vọng, thì không có gì là thi vị, hấp dẫn, và cũng không diễn đạt được tinh hoa của tư tưởng Việt. Trương Chi, người nghệ sĩ tài hoa si tình, chết (biến), nhưng tình yêu của chàng vẫn tồn tại. Chết, nhưng khối tình mang xuống tuyền đài cũng không tan. Trái tim Trương Chi không tan ra mà hoá thành viên ngọc quý: kết tinh của mối tình chung thủy. Viên ngọc chung tình đó được đẽ gọt thành chén quý để uống trà. Mỗi khi rót trà vào thì hình bóng người nghệ sĩ chèo đò lại hiện lên với tiếng sáo tuyệt vời, gợi nhớ lại mối tình xưa trong tâm trí nàng. Dù đã chôn sâu mối tình đầu trong lòng nhưng kỷ niệm xưa thì thật khó quên. Lúc ngắm cảnh, khi thưởng thức trà, tiếng sáo thánh thót của người lái đò chung tình vẫn réo rắt trong tâm hồn nàng.

Ngày xưa, lúc gặp Trương Chi, nàng chỉ thấy giả tượng của mối chân tình qua hình ảnh xấu xí của người lái đò. Giờ đây, khi gã chèo đò si tình đã chết vì tương tư, nàng mới nhận ra được chân tướng của mối tình chung thủy của người nghệ sĩ tài hoa năm xưa. Nàng thực sự xúc động, sự xúc động không cầm được nước mắt. Khi giọt nước mắt chân thành chạm vào trái tim ngọc chung thủy thì chén ngọc liền tan biến, cùng hoà tan với giọt lệ, lúc đó chính là giây phút hai tâm hồn cùng hoà hợp với nhau. Ngay thời điểm hài hoà đó, trái tim ngọc của người nghệ sĩ chung tình chợt tan biến, hoá thành nước, hoà lẫn với nước mắt chân tình của người yêu. Sự hoà đồng được thể hiện ở chỗ khi giọt nước mắt chân tình rơi vào thì chén ngọc chung tình tan thành nước, hoà cùng nước mắt thành một khối vẹn toàn.

Câu chuyện tình tuy tình tiết thật giản dị đơn sơ mà có sức gợi cảm vô cùng. Và còn gì lãng mạn cho bằng giọt nước mắt của My Nương rơi vào chén ngọc là chén ngọc tan rã: hai tâm hồn hoà đồng.

Chuyện không thực nhưng tư tưởng vô cùng phong phú, quan niệm siêu việt về tình yêu của người Việt thì thực.

*Ước gì anh hoá ra hoa,
Để em nâng lấy rồi mà cài khăn.
Ước gì anh hoá ra chẵn,
Để cho em đắp, em lăn, em nằm.
Ước gì anh hoá ra gương,
Để cho em cứ ngày thường em soi.
Ước gì anh hoá ra cơi,
Để cho em đựng cau tươi, trâu vàng.*

(Tiếp theo kỳ sau)